TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;

2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị T, sinh năm 2005; cư trú: Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1994; cư trú: Tổ A, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà T vắng mặt có đơn; ông H vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới năm 2021 và đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H ăn chời, cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với con cái và gia đình. Bà cùng gia đình đã cố gắng khuyên nhủ, cho ông H thời gian để thay đổi nhưng ông ngày càng sống vô trách nhiệm. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân từ khoảng tháng 11/2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn, quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà nộp đơn khởi kiện kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Trần Nguyễn Diệu H1, sinh ngày 17/11/2021, hiện nay con chung đang sống chung với bà T. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông H. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông H theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T, ông H để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Biên bản xác minh ngày 19/3/2024 tại Văn phòng ấp V, xã V thể hiện ông Trần Thanh H vẫn còn hộ khẩu tại ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang, chưa thực hiện tách chuyển đi nơi khác.

Về tình trạng hôn nhân: Ông Danh H2 - cha ruột của bà T cho biết hôn nhân của ông H và bà T đúng như lời bà T trình bày. Sau khi kết hôn ông bà đi làm ở Bình Dương cùng gia đình ông. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H ăn chời, cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với con cái và gia đình. Hai bên gia

đình đã lên tiếng khuyên nhủ, hòa giải hàn gắn tình cảm và cho ông H nhiều cơ hội nhưng ông vẫn không thay đổi. Ông bà đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2023 đến nay. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn ông không có ý kiến, để ông bà tự quyết định. Ngoài ra ông bà còn có 01 con chung hiện đang sống cùng bà T.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T chung sống với ông H đến năm 2023 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông H xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào năm 2023 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông H. Tại phiên hòa giải, bà T yêu cầu không tiến hành hòa giải

do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ cuối năm 2023 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà T cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông H ăn chời, cờ bạc, rượu chè, không có trách nhiệm với con cái và gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà đã sống ly thân từ khoảng tháng 11/2023 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng của ông bà phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Trần Nguyễn Diệu H1, sinh ngày 17/11/2021, hiện do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dạy con chung.

Đối với yêu cầu của bà T về con chung Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà T nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này nên việc tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Thị T được ly hôn với ông Trần Thanh H.

2. Về con chung: Bà Thị T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Nguyễn Diệu H1, sinh ngày 17/11/2021.

Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009221 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà T đã nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/4/2024) thời hạn kháng cáo của bà T và ông H được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.